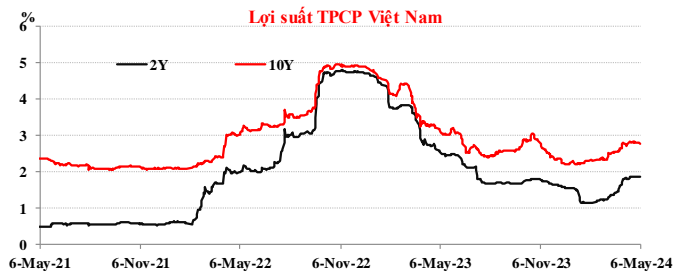


Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	4.34	-0.09	5.26	-0.02	3Y	1.89	-0.008
1W	4.57	-0.05	5.32	-0.01	5Y	2.04	-0.039
2W	4.70	-0.03	5.39	-0.01	7Y	2.27	-0.028
1M	4.83	0.00	5.42	0.00	10Y	2.75	-0.038
2M	4.97	-0.01	5.50	0.00	15Y	2.97	-0.032
3M	4.99	0.01	5.58	0.00			
6M	5.03	0.00	5.63	0.00			
9M	5.00	0.00	5.71	-0.02			
1Y	5.33	0.02	5.74	-0.01			

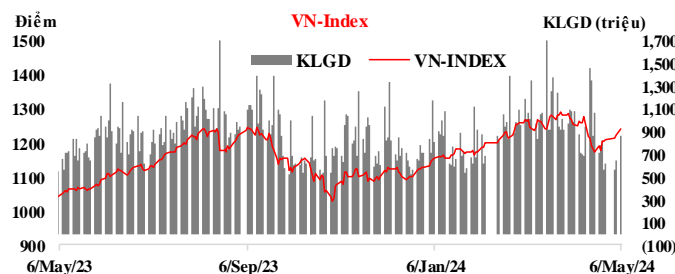


Tổng hợp GD cầm cố và mua bán TPNHNN 06/05/2024

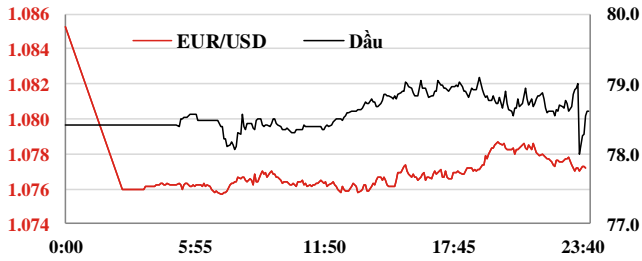
Đơn vị: Tỷ đ.	Tổng KL chào thầu	Tổng KL trúng thầu	Tổng KL đáo hạn	Ròng	KL lưu hành
Reverse Repo	5,000.00	2,541.52	8,562.50	- 6,020.98	112,342.69
Sell Outright	-	11,990.00	3,200.00	- 8,790.00	68,740.00
Tổng				- 14,810.98	

Chứng khoán ngày 06/05/2024

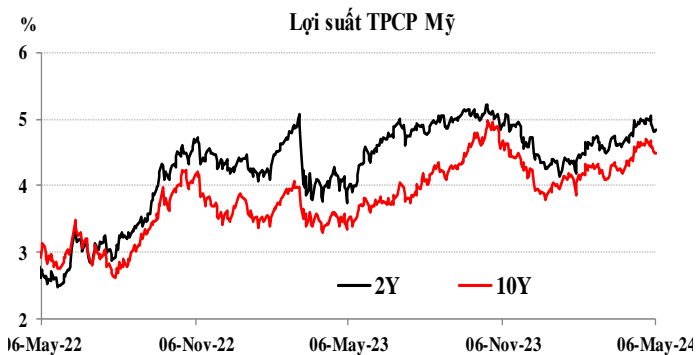
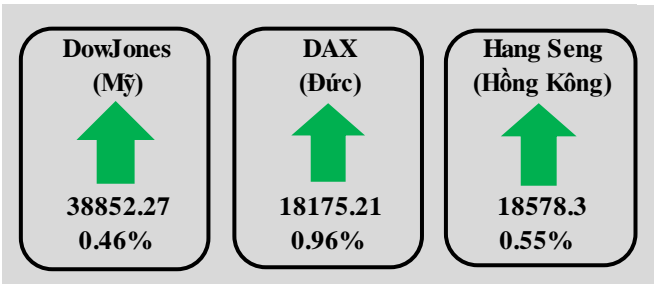
	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1241.58	232.29	90.65
%/ngày	1.68%	1.78%	0.97%
%/29/12/2023	9.9%	0.5%	4.1%
KLGD (tr.đ.vị)	864.63	79.61	40.6
GTGD (tỷ đ)	20887.57	1711.39	627.03
NDINN mua (tỷ đ)	1480808	89.52	31.47
NDINN bán (tỷ đ)	1276123	30.33	14.05


Tin trong nước ngày 06/05

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 06/05, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 24.245 VND/USD, không thay đổi so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay và tỷ giá bán giao ngay được giữ nguyên niêm yết lần lượt ở mức 23.400 VND/USD và 25.450 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 25.380 VND/USD, giảm tiếp 27 đồng so với phiên 03/05. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng nhẹ 05 đồng ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 25.710 VND/USD và 25.790 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 06/05, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm 0,03 – 0,09 đpt ở các kỳ hạn ngắn trong khi đi ngang ở kỳ hạn 1M so với phiên trước đó, cụ thể: ON 4,34%; 1W 4,57%; 2W 4,70% và 1M 4,83%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giảm 0,01 – 0,02 đpt ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ không thay đổi ở kỳ hạn 1M; giao dịch tại: ON 5,26%; 1W 5,32%; 2W 5,39%, 1M 5,42%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp giảm ở tất cả các kỳ hạn; chốt phiên ở mức: 3Y 1,89%; 5Y 2,04%; 7Y 2,27%; 10Y 2,75%; 15Y 2,97%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 5.000 tỷ đồng với kỳ hạn 07 ngày, lãi suất giữ ở mức 4,25%. Có 2.541,52 tỷ đồng trúng thầu, có 8.562,5 tỷ đồng đáo hạn. NHNN chào thầu tín phiếu NHNN với kỳ hạn 28 ngày, đấu thầu lãi suất. Có 11.900 tỷ đồng tín phiếu trúng thầu với lãi suất giữ ở mức 3,75%, có 3.200 tỷ đồng tín phiếu đáo hạn. Như vậy, NHNN hút ròng 14.810,98 tỷ đồng từ thị trường trong phiên đầu tuần, khối lượng tín phiếu lưu hành trên thị trường tăng lên mức 68.740 tỷ đồng, khối lượng trên kênh cầm cố giảm xuống 112.342,69 tỷ.
- Thị trường chứng khoán:** Thị trường chứng khoán phiên đầu tuần tăng tích cực nhờ nhóm cổ phiếu chứng khoán, sản xuất, VLXD... Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index bật tăng 20,55 điểm (+1,68%) đạt 1.241,58 điểm; HNX-Index thêm 4,06 điểm (+1,78%) lên 232,29 điểm; UPCoM-Index tăng 0,87 điểm (+0,97%) đạt mức 90,65 điểm. Thanh khoản thị trường có cải thiện với giá trị giao dịch đạt trên 23.200 tỷ đồng. Khối ngoại mua ròng hơn 204 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Theo S&P Global, chỉ số nhà quản trị mua hàng PMI ngành sản xuất Việt Nam tăng trở lại lên trên ngưỡng 50 điểm trong tháng 4, đạt 50,3 điểm so với 49,9 điểm của tháng 3.** Kết quả chỉ số cho thấy sức khỏe ngành sản xuất cải thiện nhẹ, và đây là lần cải thiện thứ ba trong bốn tháng qua. Trong đó có 3 điểm nhấn nổi bật, đó là sản lượng tăng trưởng trở lại nhờ số lượng đơn đặt hàng mới tăng; giá cả được ghi nhận giảm tháng thứ hai liên tiếp và việc làm giảm lần đầu tiên trong ba tháng.



	6 May 24	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	105.05	0.02%	-0.50%	3.67%
USD/CNY	7.21	-0.45%	-0.33%	1.55%
USD/EUR	0.93	-0.09%	-0.46%	2.49%
USD/JPY	153.88	0.59%	-1.57%	9.09%
USD/KRW	1354.91	0.02%	-1.44%	4.67%
USD/SGD	1.35	0.11%	-0.63%	2.41%
USD/TWD	32.28	0.00%	-0.52%	5.21%
USD/THB	36.73	0.03%	-0.70%	6.93%
USD/VND Trung tâm	24245	0.02%	0.00%	1.59%
USD/VND LNH	25380	-0.11%	0.18%	4.66%
USD/VND tự do	25679	-0.10%	-0.13%	3.79%
Vàng	2322.94	0.93%	-0.49%	12.62%
Dầu WTI	78.48	0.47%	-5.02%	9.53%



Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	5,25%	5,50%	26/7/2023	12/6/2024
Châu Âu	EUR	4,50%	4,75%	14/9/2023	6/6/2024
Anh	GBP	5,0%	5,25%	3/8/2023	9/5/2024
Nhật	JPY	-0,10%	0,10%	19/3/2024	14/6/2024
Australia	AUD	4,10%	4,35	8/11/2023	6/5/2024

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

Tin quốc tế

- Khu vực Eurozone đón một số chỉ báo kinh tế quan trọng.** Đầu tiên, theo S&P Global, PMI lĩnh vực dịch vụ tại Eurozone chính thức đạt mức 53,3 điểm trong tháng 4, điều chỉnh tăng nhẹ so với 52,9 điểm theo kết quả khảo sát sơ bộ. Đây là tháng thứ 3 liên tiếp lĩnh vực dịch vụ Eurozone ghi nhận trạng thái mở rộng trở lại (PMI>50) sau 6 tháng thu hẹp trước đó. Dữ liệu cho thấy niềm tin của các doanh nghiệp dịch vụ đang quay trở lại khi sản lượng kinh doanh phục hồi nhanh chóng, tạo ra nhiều việc làm nhất trong 10 tháng trở lại đây. Tiếp theo, hãng Sentix khảo sát cho biết chỉ số niềm tin đầu tư tại Eurozone ở mức -3,6 điểm trong tháng 5, cải thiện từ mức -5,9 điểm của tháng 4 và đồng thời cao hơn mức -4,8 điểm theo dự báo. Dù chưa hoàn toàn quay lại ngưỡng điểm chỉ báo lạc quan, tuy nhiên đây cũng là mức niềm tin đầu tư tốt nhất mà Eurozone ghi nhận kể từ sau tháng 02/2022. Cuối cùng, Eurostat công bố chỉ số giá sản xuất PPI toàn phần tại Eurozone giảm nhẹ 0,4% m/m trong tháng 3, nối tiếp đà giảm 1,1% của tháng trước đó và khớp với dự báo. So với cùng kỳ năm 2023, PPI tại khu vực này giảm mạnh khoảng 7,8% y/y.
- Hoạt động dịch vụ tại Trung Quốc dù chưa thực sự khởi sắc nhưng cho thấy sự ổn định.** Hãng Caixin (thuộc S&P Global) khảo sát cho biết PMI lĩnh vực dịch vụ tại Trung Quốc ở mức 52,5 điểm trong tháng 4, giảm nhẹ từ 52,7 điểm của tháng 3 và khớp với dự báo. Đây là tháng thứ 16 liên tiếp lĩnh vực dịch vụ tại quốc gia này duy trì trạng thái mở rộng. Theo các chuyên gia, nhìn chung, hoạt động kinh doanh đang ở trạng thái tương đối tốt khi nhu cầu nước ngoài cải thiện và ngành du lịch trong nước phục hồi. Tuy nhiên, các công ty vẫn phải đối mặt với áp lực chi phí khi giá thị trường lao động và năng lượng cùng tăng. Nhiều ý kiến cho rằng cần nhiều thời gian hơn nữa để các CSTT nói lỏng của NHTW Trung Quốc phát huy hiệu quả, hỗ trợ lĩnh vực dịch vụ phục hồi mạnh mẽ hơn.
- Lịch công bố các chỉ số kinh tế:**

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
06-05	8:45	*	PMI lĩnh vực dịch vụ Caixin Trung Quốc T4	52.5	52.5	52.7
06-05	15:00	*	PMI chính thức lĩnh vực dịch vụ Eurozone T4	53.3	52.9	52.9
07-05	11:30	***	LSCS NHTW Úc RBA		4.35	4.35
07-05	13:00	*	Giá trị đơn đặt hàng nhà máy tại Đức mm T3		0.4	0.4
07-05	13:00	*	Giá nhà tại Anh mm T3		0.2	-1.0
07-05	15:30	**	PMI lĩnh vực xây dựng tại Anh T4		50.4	40.2
07-05	16:00	*	Doanh số bán lẻ tại Anh mm T3		0.6	-0.5

